

miền núi, bầu người giỏi nhất lên làm vua, gọi là Hùng Vương.

Hùng Vương hợp nhất các vùng đất có cùng một nền văn hoá và tiếng nói lại thành một nước, gọi là Văn Lang. Sự kiện lớn lao này xảy ra khoảng thế kỉ VII TCN. Nước Văn Lang được chia thành 15 bộ, dưới bộ là các làng, chạ. Nhà nước Hùng Vương đóng đô ở Châu Phong (Bạch Hạc – Phú Thọ), tổ chức đơn giản. Giúp Hùng Vương trị nước có các Lạc hầu, Lạc tướng. Khi có việc quan trọng, Hùng Vương họp các Lạc hầu, Lạc tướng lại để bàn bạc, giải quyết.

Truyền rằng dòng Hùng Vương truyền được 18 đời vua và đều lấy vương hiệu là Hùng Vương.

## LÊ THIẾT HÙNG

(1908 – 1986)

Ông chính tên là Lê Văn Nghiệm, sinh năm 1908 trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng tại xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Sớm giác ngộ, năm 1923 ông đã thoát li gia đình ra nước ngoài hoạt động. Năm 1925, ông được Nguyễn Ái Quốc trực tiếp kết nạp vào *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*, năm 1930, vào *Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Năm 1940, thực hiện chỉ thị của Nguyễn Ái Quốc, ông về nước hoạt động. Từ năm 1940 đến 1945, ông hoạt động ở vùng Cao Bằng, Lạng Sơn, làm chính trị viên đội vũ trang đặc biệt, Giám đốc trường quân sự đầu tiên ở Cao Bằng, đào tạo cán bộ quân sự chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang. Ông đã chỉ huy lực lượng vũ trang tham gia giành chính quyền ở Thất Khê, Đồng Đăng, Na Sầm. Từ 1945 đến 1947, ông là Khu trưởng Khu VI; năm 1948 được phong quân hàm Thiếu tướng, Tổng thanh tra quân đội, Chỉ huy trưởng mặt trận Bắc Cạn và Tuyên Quang, sau đó về làm Hiệu trưởng Trường Sĩ quan lục quân kiêm Cục trưởng Cục Quân huấn. Từ 1954 đến 1963, ông là Tư lệnh trưởng pháo binh kiêm Hiệu trưởng Trường Sĩ quan pháo binh, Bí thư Đảng uỷ pháo binh, từ 1963 đến 1969 là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền ở nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên, kiêm Bí thư đảng uỷ Đại sứ quán, từ 1970 đến 1975 : Phó Trưởng ban kiêm Bí thư Đảng uỷ CP-48; từ 1976 đến 1978 : Phó Trưởng ban Đối ngoại trung ương. Sau khi về hưu, ông vẫn tham gia Uỷ ban ủng hộ Triều Tiên thống nhất đất nước và giữ chức Chủ tịch Uỷ ban.

Do những cống hiến xuất sắc, ông đã được Nhà nước tặng *Huân*

chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý khác.

## PHẠM HÙNG

(1912 – 1988)

Ông chính tên là Phạm Văn Thiện, quê ở xã Long Hồ, huyện Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long.

Sớm giác ngộ cách mạng, từ những năm 1928 – 1929 ông đã hoạt động trong phong trào thanh niên học sinh, tham gia tổ chức *Nam Kỳ học sinh liên hiệp hội* và *Thanh niên cộng sản đoàn*.

Năm 1930, ông được kết nạp vào *Đảng Cộng sản Đông Dương* và hoạt động ở vùng Mĩ Tho. Năm 1931, ông bị thực dân Pháp bắt và kết án tử hình. Do phong trào đấu tranh trong nước và bên Pháp dâng cao, Chính phủ Pháp buộc phải rút mức án xuống khổ sai chung thân và đày ông ra Côn Đảo.

Cách mạng tháng Tám thành công (1945), ông được chính quyền cách mạng đưa tàu ra đón cùng nhiều người khác về đất liền và được bầu làm Bí thư Xứ uỷ lâm thời Nam Bộ.

Tại Đại hội Đảng lần thứ II (1951), ông được bầu vào Ban Chấp hành trung ương Đảng. Từ năm 1952, ông đảm nhiệm những chức vụ lãnh đạo quan trọng ở

Trung ương Cục miền Nam và Ủy ban kháng chiến hành chính miền Đông Nam Bộ.

Năm 1954, khi Hiệp định Giơnevơ về Việt Nam được kí kết, ông được cử làm Trưởng đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam trong Ban Liên hiệp đình chiến tại Nam Bộ. Năm sau, ông làm Trưởng phái đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam bên cạnh Ủy ban Quốc tế tại Sài Gòn.

Từ năm 1956 đến năm 1988, qua các Đại hội đại biểu toàn quốc, ông liên tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị.

Ông còn là đại biểu Quốc hội liên tục từ khoá II đến khoá VIII. Về công tác chính quyền, ông đã giữ các chức vụ Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Năm 1967, ông được phân công làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam và Chính uỷ các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Đến chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), ông giữ chức Chính uỷ Bộ Chỉ huy chiến dịch.

Năm 1987, ông giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Do có nhiều cống hiến to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc,

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và đối với sự nghiệp tăng cường đoàn kết quốc tế, ông đã được Nhà nước Việt Nam và các nước trên thế giới tặng nhiều huân chương cao quý.

Ông mất ngày 10-3-1988 tại thành phố Hồ Chí Minh trong chuyến vào miền Nam công tác.

## CAO XUÂN HUY

(1900 – 1989)

Giáo sư Cao Xuân Huy sinh năm 1900 ở xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, trong một gia đình Nho học lâu đời. Ông nội là nhà sử học Cao Xuân Dục (1842–1923) từng giữ chức Thượng thư Bộ Học, kiêm Tổng tài Quốc sử quán triều Nguyễn, đã viết và chủ biên nhiều bộ sách lớn có giá trị như *Đại Nam nhất thống chí*, *Quốc triều khoa bảng lục*, *Quốc triều chính biên toát yếu*...

Mười sáu tuổi, Cao Xuân Huy đã lều chõng đi thi Hán học, nhưng sau đó chuyển sang nền học mới. Tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương, ông về Huế dạy tại trường Trung học tư thực Thuận Hoá.

Là một trí thức yêu nước, có tinh thần dân tộc, sau Cách mạng

tháng Tám thành công (1945) ông nhiệt tình hưởng ứng và hăng hái tham gia kháng chiến. Giai đoạn đầu, ông mở trường tư thực Nguyễn Xuân Ôn ở quê nhà Diễn Châu, rồi về dạy lớp Đại học Văn khoa đầu tiên trong kháng chiến tại Liên khu IV.

Hoà bình lập lại (1954), ông là Giáo sư khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp và Đại học Sư phạm (Hà Nội), sau đó chuyển qua làm công tác nghiên cứu ở Viện Văn học. Năm 1965, ông là Giáo sư chính của khoá Đại học Hán học do Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam mở, góp phần quan trọng vào việc đào tạo lớp cán bộ mới cho ngành Hán – Nôm nước nhà, trực tiếp bồi dưỡng những kiến thức về Đông phương học.

Ông còn đóng góp nhiều vào việc nghiên cứu lịch sử tư tưởng, lịch sử văn hoá và sử học dân tộc. Nhiều cuốn sách có giá trị về triết học và văn học cổ Việt Nam của các tác giả Trần Thái Tông, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm... được xuất bản đều có công sức to lớn của ông trong việc khảo dịch, hiệu đính, giới thiệu.

Ông đã được Nhà nước truy tặng *Giải thưởng Hồ Chí Minh* năm 1996.

## ĐÀM THẬN HUY

(1463 – 1526)

Ông tự là Mặc Trai, người làng Ông Mặc, huyện Đông Ngàn (Hương Mặc, Tiên Sơn, Bắc Ninh), đỗ Tiến sĩ năm 1490, làm quan triều Hồng Đức tới chức Thượng thư Bộ Hình, rồi Thượng thư Bộ Lại. Năm 1510, ông đi sứ Trung Quốc, về được gia phong Thiếu bảo, tước Lâm Xuyên bá, phụ trách Chiêu Văn quán và Tú Lâm cục. Ông cũng giữ chức Hiệu thảo *Viện Hàn lâm*, và là một trong 28 hội viên hội Tao Đàn.

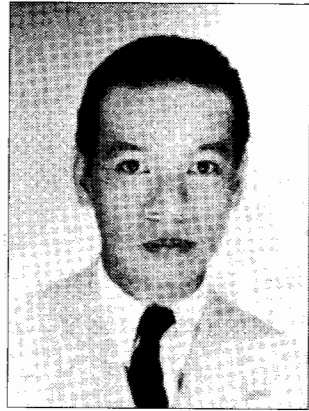
Khi Mạc Đăng Dung giành ngôi vua, Lê Chiêu Tông chạy lên Sơn Tây, Đàm Thận Huy cùng với Nguyễn Hữu Nghiêm, Nghiêm Bá Ký lánh về Bắc Giang khởi binh chống Mạc. Vì thế yếu không địch nổi, ông chạy về Yên Thế uống thuốc độc chết. Đương thời, ông được ca ngợi là bệ tôi tiết nghĩa. Mạc Đăng Dung cũng “cảm phục” và phong tước cho ông.

Đàm Thận Huy có tác phẩm *Mặc trai thi tập*, và có một số bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

## NGUYỄN VĂN HUYỀN

(1908 – 1975)

Nhà sử học, dân tộc học, văn hoá dân gian Việt Nam và nhà giáo dục xuất sắc.



Ông quê ở làng Lai Xá, huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc xã Kim Chương, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây), nhưng sinh ra và lớn lên tại Hà Nội, trong một gia đình Nho học.

Hồi nhỏ ông học ở Hà Nội, sau sang Pháp học đại học và trên đại học (1926 – 1935), là người Việt Nam đầu tiên nhận bằng Tiến sĩ văn chương tại Trường Đại học Xóocbon (Sorbonne).

Trở về nước, ông chọn nghề dạy học để truyền bá kiến thức, giáo dục thế hệ trẻ lòng yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc. Sau ông chuyển sang nghiên cứu khoa học tìm về những di sản văn hoá dân tộc. Với những công trình nghiên cứu đặc sắc, ông trở thành Uỷ viên Hội đồng nghiên cứu khoa học Đông Dương (1941 – 1945). Từ

năm 1938, ông đã tham gia *Hội truyền bá Quốc ngữ*, một tổ chức hoạt động công khai của *Đảng Cộng sản Đông Dương*, nhằm chống nạn mù chữ và mở mang dân trí.

Ngay sau Cách mạng tháng Tám (1945), ông hoạt động sôi nổi trong lĩnh vực giáo dục – văn hoá, là Tổng giám đốc Vụ Đại học, Giám đốc Trường Viễn Đông bác cổ Hà Nội. Từ 1946 đến 1975, ông là Bộ trưởng Bộ Giáo dục của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Trong những ngày cách mạng mới thành công, ông đã tham gia phái đoàn Chính phủ trong hai hội nghị Đà Lạt và Phôngtennoblô (Pháp), nhiều lần là thành viên của phái đoàn Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trong cuộc hội đàm với chính phủ các nước.

Sự nghiệp giáo dục của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền gần 30 năm.

Ông đã được Nhà nước truy tặng *Giải thưởng Hồ Chí Minh* (1996).

Nguyễn Văn Huyền đã để lại những công trình nghiên cứu có giá trị trên nhiều lĩnh vực. Ông là một trong những nhà dân tộc học, văn hoá dân gian đầu tiên ở nước ta, đã đưa phương pháp khoa học vào

nghiên cứu những di sản văn hoá của các dân tộc Việt Nam. Những công trình nổi tiếng trong nước cũng như ngoài nước của ông : *Góp phần vào việc nghiên cứu nhà sàn ở Đông Nam Á ; Những bài hát đối đáp của nam nữ thanh niên Việt Nam ; Lễ hội Phù Đổng ; Góp phần nghiên cứu một vị thành hoàng Việt Nam – Lý Phục Man ; Văn minh Việt Nam.*

## HUYỀN QUANG

(1254 – 1334)

Vị tổ thứ ba của dòng Thiền Trúc Lâm. Ông họ Lý, tên là Đạo Tái, quê ở xã Vạn Từ, huyện Gia Bình (Bắc Ninh). Thuở nhỏ, thông minh, học rộng, 8 tuổi đã biết làm thơ. Năm 21 tuổi, ông thi đỗ Tiến sĩ (có sách chép là đỗ Trạng nguyên), làm quan cho nhà Trần. Nhớ lại cảnh sống khó khăn thời trẻ, ông đã làm nhiều thơ. Người đời ca ngợi :

*Khó khăn thì chẳng ai nhìn,  
Đến khi đỗ Trạng chín nghìn  
anh em.*

Một hôm theo vua Trần Nhân Tông đi thăm chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Ninh), nghe sư Pháp Loa giảng đạo, ông bèn xin vua cho được xuất gia đầu Phật. Nhân Tông đã ban cho ông đạo hiệu Huyền Quang.

Khi sư Pháp Loa mất, ông được cử thay thế, tức Trúc Lâm đệ tam tổ.

## HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA

(Thế kỉ XIII – XIV)

Con gái của Trần Nhân Tông. Nhân một chuyến đi thăm Champa, vua Trần Nhân Tông cảm phục tài năng của vua Champa là Chế Mân (tức Harigit) đã hứa gả con gái cho. Năm 1305, vua Champa cử hơn 100 người đem vàng bạc, hương liệu, lễ vật sang hỏi, đồng thời xin cắt đất hai châu Ô và Lí (Quảng Trị và Thừa Thiên ngày nay) làm sính lễ. Năm sau (1306), lễ cưới được tổ chức. Chẳng may, một năm sau Chế Mân chết. Theo tục lệ Chăm, công chúa Huyền Trân phải thiêu sống để chết theo chồng. Vua Trần lo sợ, cử Trần Khắc Chung và Đặng Văn sang cứu về. Mãi đến tháng 9 năm 1308, thuyền chở công chúa mới về đến kinh thành. (Có tài liệu ghi, sau đó vua Trần đã gả bà cho Trần Khắc Chung).

## TÔ THỊ HUỲNH

(1946 – 1967)

Chị quê ở xã Lương Hoà, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo. Cha bị giặc bắn chết nên có lòng căm thù địch sâu sắc, lại được cán bộ đi sát giúp đỡ, giáo dục, chị sớm giác ngộ cách mạng, mới 16

tuổi đã là đội trưởng một đội nữ du kích.

Là một chỉ huy trẻ tuổi, chị nêu cao tinh thần dũng cảm, táo bạo, dẫn đầu đơn vị phối hợp cùng các đơn vị bạn đánh thắng nhiều cuộc càn quét của địch, diệt nhiều tên địch, giữ vững khu căn cứ.

Tháng 4-1964, chị được cử làm Xã đội phó, trực tiếp chỉ huy tiểu đội du kích xã, chỉ huy đơn vị tiến công diệt nhiều bớt địch, tạo điều kiện cho quân chúng nổi dậy giành chính quyền.

Trong quá trình chiến đấu, chị đã kết hợp chặt chẽ hoạt động vũ trang với binh vận, vận động nhiều lính địch bỏ ngũ hay nhận làm nội ứng cho du kích đánh chiếm đồn địch. Chị còn tích cực tham gia xây dựng các đoàn thể cách mạng trong xã, vận động thanh niên nam, nữ vào lực lượng vũ trang.

Sau khi hi sinh, Tô Thị Huỳnh được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng *Huân chương Quân công giải phóng* và danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng*.

## ĐỖ THIÊN HỨ

(? – 1335)

Danh thân nhà Trần. Ông là em của Trần Khắc Chung, quê ở

Giáp Sơn (Hải Dương). Cuối năm 1288, sau ngày toàn thắng của cuộc kháng chiến chống Nguyên, theo đề nghị của Trần Khắc Chung, ông được cử đi sứ Trung Quốc. Ít lâu sau, ông được bổ làm An phủ sứ. Ông làm việc cần mẫn, liêm chính, được mọi người kính phục. Năm 1313, quân Xiêm xâm lấn Champa. Vua Champa cho người sang cầu cứu. Triều đình đã cử ông làm Kinh lược sứ Nghệ An và Lâm Bình (Quảng Bình) sang cứu nước Champa. Mọi việc đạt kết quả tốt đẹp, vua Trần càng thêm tin nhiệm ông, từ đó, biên giới phía tây nam có việc đều cử ông đến giải quyết.

Năm 1335, ông giữ chức Thẩm hình viện sứ, quản quân Thần Sách, xin theo vua đánh Ai Lao. Bấy giờ, ông đang ốm, vua không muốn cho đi. Ông nói với vua : “Thần thà chết ở ngoài cửa quân dinh, chớ không chịu chết ở chỗ giường đệm”. Vua khen và nhận lời, nhưng vì bệnh nặng, ông chết trên đường đi.

## **ĐẶNG THỨC HỨA**

(1870 – 1931)

Đặng Thúc Hứa (hiệu là Ngô Sinh), em ruột Đặng Nguyên Cẩn, quê ở làng Lương Điền, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, xuất thân từ một gia đình Nho học có truyền thống yêu nước, chống Pháp, đỗ Tú tài nên thường gọi là Tú Hứa.

Ông tham gia *Duy tân hội* từ 1905 – 1906, phụ trách việc quyên góp tiền bạc cho anh em Đông du. Năm 1909, ông trực tiếp mang số tiền 2500 đồng mới quyên góp được, sang Trung Quốc gặp Phan Bội Châu. Ông và Đặng Tử Kính được Phan Bội Châu giao trách nhiệm sang Nhật mua súng để tiếp viện cho nghĩa quân Yên Thế của Hoàng Hoa Thám.

Năm 1910, Đặng Thúc Hứa được Phan Bội Châu phái về Xiêm (Thái Lan) xây dựng cơ sở cách mạng lâu dài, chờ ngày trở về nước đánh đuổi giặc Pháp. Từ năm 1919 – 1924, cơ sở Việt kiều yêu nước ở Thái Lan phát triển mạnh. Rất nhiều thanh niên ưu tú của Nghệ – Tĩnh xuất dương sang Trung Quốc đều qua cơ sở của Đặng Thúc Hứa.

Khoảng năm 1923, số thanh niên được ông giới thiệu sang học tập ở Trung Quốc như Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong v.v... đã thành lập *Tâm tâm xã*, một tổ chức yêu nước có xu hướng xã hội chủ nghĩa. Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô về Trung Quốc đã liên hệ với số thanh niên này, từ đó lập ra *Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên*, tổ chức truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, chuẩn

bị cho sự ra đời của *Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Mùa hè năm 1926, Hồ Tùng Mậu được Nguyễn Ái Quốc giới thiệu về Xiêm liên lạc với Đặng Thúc Hứa, tổ chức chi bộ *Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên* đầu tiên ở tỉnh Phì Chít.

Đặng Thúc Hứa có chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng, tiến dần về chủ nghĩa cộng sản. Ông ngày càng tích cực vận động đồng bào, đồng chí trong Việt kiều, lập ra các hội *Thân ái*, hội *Việt kiều yêu nước*. Ông xuất bản tờ báo *Đồng thanh*, viết bài cổ động bà con làm cách mạng.

Năm 1928, Nguyễn Ái Quốc về Xiêm hoạt động đã liên hệ chặt chẽ với Đặng Thúc Hứa, báo *Đồng thanh* được đổi thành báo *Thân ái*.

Tháng 2-1930, sau khi *Đảng Cộng sản Việt Nam* thành lập, Đặng Thúc Hứa trở thành một trong những người cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Xiêm. Ông luôn luôn bên bỉ, gương mẫu hoạt động cho công tác Đảng, cho sự nghiệp cách mạng của kiều bào ta.

Ngày 12-2-1931, sau một chuyến đi công tác từ Chiềng Mai về U Đon, Đặng Thúc Hứa đã lâm bệnh và qua đời.

## BÙI QUỐC HUNG

(? - 1448)

Danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Ông quê ở Cống Khê (Hà Tây), là con cháu của Bùi Mộc Đạc thời Trần. Ông đỗ Tam trường thời Trần Duệ Tông (1373 - 1377), từng tham gia hội thê Lũng Nhai. Trong thời gian đầu của cuộc khởi nghĩa, ông phụ trách các công việc văn thư. Cuối năm 1426 - đầu 1427, ông được cử chỉ huy đạo quân bao vây và dụ hàng quân địch ở các thành Thị Cầu, Điều Điều (Bắc Giang). Ngày toàn thắng, ông được phong Bảo chính công thân, Nhập nội thiếu phó, Trang nghĩa hầu, sau thăng lên Nhập nội tư đồ. Năm 1448, ông mất. Thời Lê Thánh Tông, ông được truy phong Trang quận công.

## NGUYỄN DƯƠNG HUNG

(? - 1737)

Thủ lĩnh nghĩa quân nông dân Sơn Tây. Ông vốn là nhà sư. Năm 1737, tình hình xã hội trấn Sơn Tây (Vĩnh Phúc, Phú Thọ và một phần Hà Tây) rối loạn, nhân dân nghèo khổ bất mãn, ông đã tập hợp nghĩa quân lấy vùng núi Tam Đảo làm căn cứ, dựng cờ khởi nghĩa, mở đầu cho phong trào đấu tranh của nông dân Đàng Ngoài giữa thế kỉ XVIII. Cuối năm 1737, quân triều



đình do Nguyễn Bá Lân, Nguyễn Trọng Côn chỉ huy tiến đánh Tam Đảo. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp.

## PHẠM ĐĂNG HUNG

(1765 – 1825)

Ông tự là Hiệt Củ, quê ở huyện Tân Hoà, tỉnh Gia Định. Năm 1796, ông chỉ huy vệ quân Phấn Võ của Nguyễn Ánh ra đánh Phú Yên, giúp Nguyễn Văn Trương và Nguyễn Huỳnh Đức viện binh cho Xiêm đánh Miến. Năm 1799, ông làm Tham tri Bộ Lại. Trong thời Gia Long, ông đã làm Thanh tra trường thi Hương Kinh Bắc, Thượng thư Bộ Lễ kiêm Tổng tài Quốc sử quán, sau bị hạ chức làm Tham tri Bộ Lại kiêm Phó Tổng tài Quốc sử quán, rồi lại phục chức Thượng thư Bộ Lễ. Con gái Phạm Đăng Hưng là mẹ vua Tự Đức (bà Từ Dũ).

## PHÙNG HUNG

(? – 789)

Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống đô hộ Đường, quê ở Đường Lâm (Cam Lâm – Ba Vì – Hà Tây). Tổ tiên đời đời là quan lang ở địa phương. Truyền rằng ông và người em là Phùng Hải (có sách ghi là còn một người em nữa là Phùng Loại) đều khoẻ mạnh, giỏi võ, có thể vật nổi trâu, cõng

được thuyền, được người làng gọi là Đô Quân và Đô Bảo. Có năm, một con hổ từ đâu đến, bắt lợn, bắt người khiến dân làng rất lo sợ, bỏ cả cày cấy. Ông bèn làm một con bù nhìn bằng rơm, dựng ở giữa đường, tay cầm cái gậy lớn. Hổ nhiều lần vồ bù nhìn mà thấy không được gì, bèn bỏ qua, không chú ý nữa. Bấy giờ, ông mới đích thân ngụy trang, tay cầm dao lớn, đứng vào chỗ bù nhìn. Hổ đi qua, bị ông dùng dao đâm chết. Dân làng khôn xiết vui mừng, kính phục ông. Không những thế, những năm đói kém, ông còn xuất thóc kho chẩn cấp cho dân nghèo.

Khoảng đời Đại Lịch nhà Đường (766 – 779), giặc Côn Lôn và Chà Và quấy phá nước ta, chính quyền đô hộ rối loạn. Ông bèn cùng em chiếm giữ Đường Lâm. Nhờ quân cứu viện, giặc cướp bị đánh lui. Tên đô hộ Cao Chính Bình làm nhiều điều tàn ác, bóc lột nhân dân thậm tệ, ông quyết định kêu gọi nhân dân nổi dậy. Các vùng xung quanh Đường Lâm lần lượt được giải phóng. Thời cơ đã đến, các tướng Đỗ Anh Hàn, Hà Gia... khuyên ông tập trung lực lượng đánh vào phủ trị Tống Bình. Được mọi người ủng hộ, ông quyết định chia quân thành 4 đạo tiến về bao vây phủ thành. Cao Chính Bình đem hết quân ra đánh nhưng thua

to, phải rút vào, đóng cửa thành cố thủ. Nghĩa quân giữ vững thế bao vây. Cao Chính Bình lo sợ quá, sinh bệnh mà chết. Quân trong thành mở cửa xin hàng. Nghĩa quân chiếm thành rồi chia đi các nơi, đánh tan các lực lượng còn lại của kẻ thù. Năm 782, Phùng Hưng được tôn làm vua, tổ chức lại đất nước, mở mang kinh tế. Được 7 năm thì ông mất, nhân dân đã tôn ông làm *Bố cái đại vương* để tỏ lòng thương nhớ và kính trọng.



## TRẦN DUY HÙNG

(1912 – 1988)

Ông chính tên là Phạm Thu, sinh ngày 16-1-1912 tại xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Là một bác sĩ hành nghề tại thành phố, ông sớm giác ngộ cách mạng, trước năm 1945 đã bắt liên lạc với tổ chức, bí mật gửi thuốc men và dụng cụ y tế lên chiến khu.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ông giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính đầu tiên của thành phố Hà Nội, rồi được kết nạp vào *Đảng Cộng sản Đông Dương*, trúng cử Đại biểu Quốc hội trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (6-1-1946), tham gia Ủy ban dự thảo Hiến pháp.

Suốt trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946–1954), ông đã liên tục phụ trách nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và Chính phủ (Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Thứ trưởng Bộ Y tế, Ủy viên Bộ Nội vụ trong Hội đồng quốc phòng tối cao...). Kháng chiến thành công, tháng 10-1954 ông cùng đoàn cán bộ về tiếp quản Hà Nội, được cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban quân chính thành phố, đồng thời tham gia công tác trong Thành ủy Hà Nội. Ông là đại biểu Hội đồng nhân dân và là Chủ tịch Ủy ban hành chính và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội từ năm 1954 đến tháng 4-1977. Ông là đại biểu Quốc hội từ khoá IV đến khoá VI. Ông còn là Ủy viên đoàn Chủ tịch Ủy ban Việt Nam đoàn kết và hữu nghị với nhân dân các nước, Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam –Tiệp Khắc.